

Bản án số: **88/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 04/8/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT, TỈNH KH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Tuấn Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Mai Văn Thuận**

Ông **Nguyễn Văn Xuân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh KH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, tỉnh KH tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Giỏi Mạnh Phi** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 N 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 577/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 N 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 N 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đậu Thị P** sinh N 1984; địa chỉ: Thôn Phước Thượng, xã Phước Đồng, thành phố NT, tỉnh KH; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Đình N** sinh N 1976; địa chỉ: Thôn Phước Thượng, xã Phước Đồng, thành phố NT, tỉnh KH; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đậu Thị P trình bày:* Bà và ông Lê Đình N tự nguyện kết hôn N 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Đồng, thành phố NT, tỉnh KH. Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông N nảy sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã; ông N có lúc đánh đập bà và đập phá tài sản trong gia đình; bà đã cố gắng nhiều lần nhẫn nhịn và cho ông N cơ hội nhưng ông N không thay đổi. Từ tháng 3/2021, bà và các con của bà đã dọn ra ở riêng, sống ly thân với ông N kể từ đó cho đến nay. Nay bà nhận thấy giữa bà và ông N không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Giữa bà và ông Lê Đình N có 02 con chung là các cháu Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 04/10/2007 và Lê Đ T, sinh ngày 20/6/2015. Hiện cả hai cháu đều đang sống với bà

từ tháng 3/2021 cho đến nay. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và bà không yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về nợ chung: Giữa bà và ông Lê Đình N không có nợ chung.
- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là ông Lê Đình N trình bày:* Ông đồng ý với lời trình bày của bà Đậu Thị P về vấn đề kết hôn, con chung, nợ chung và tài sản chung. Ông thừa nhận là trong quá trình chung sống, có một lần ông đánh bà P do nhậu say không tỉnh táo và một số lần đập phá đồ đạc trong nhà nhưng không đáng kể; nhưng ông không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà P vì mong muốn các con có sự chăm sóc của cha và mẹ.

- Về con chung: Giữa ông và bà P có 02 con chung như bà P trình bày; nếu phải ly hôn thì ông có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Đ T và đồng ý giao cháu Lê Huỳnh Đ cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về nợ chung: Giữa ông và bà Đậu Thị P không có nợ chung.
- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên xác định:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ các quy định của pháp luật về trình tự tố tụng của vụ án; các đương sự đều đã được đảm bảo thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn; đối với vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con chung là các cháu Lê Huỳnh Đ và Lê Đ T cho bà P được trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi và theo nguyện vọng của các cháu; bà P không yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này; đối với vấn đề nợ chung, do nguyên đơn và bị đơn đều xác định là không có nợ chung; đối với vấn đề tài sản chung, do nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đậu Thị P và ông Lê Đình N tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phước Đồng, thành phố NT, tỉnh KH cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2006 ngày 26/4/2006; đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Đậu Thị P và bị đơn là ông Lê Đình N, trong quá trình chung sống giữa bà P và ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đánh đập lẫn nhau và ông N thường xuyên đập phá tài sản; mâu thuẫn đã xảy ra trong một khoảng thời gian dài và hai bên không thể tự hòa giải để giải quyết được mâu thuẫn. Từ tháng 3/2021, bà P đã dẫn hai con ra ở riêng, sống ly thân với ông N. Tại phiên tòa, bà P khai giữa bà và ông N không còn tình cảm vợ chồng và cương quyết xin được ly hôn với ông N.

Tại phiên tòa, mặc dù ông N không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà P vì ông mong muốn các con có sự chăm sóc của cha và mẹ, nhưng bà P không đồng ý vì bà khẳng định hiện nay giữa bà và ông N không còn tình cảm vợ chồng và cương quyết xin được ly hôn với ông N. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Đậu Thị P và ông Lê Đình N đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên; cả hai bên đã sống ly thân với nhau kể từ tháng 3/2021 cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Đậu Thị P là chính đáng, có cơ sở nên cần chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Giữa bà Đậu Thị P và ông Lê Đình N có 02 con chung là các cháu Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 04/10/2007 và Lê Đ T, sinh ngày 20/6/2015; bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và bà không yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; ông N có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Đ T và đồng ý giao cháu Lê Huỳnh Đ cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cả hai cháu Lê Huỳnh Đ và Lê Đ T đang sinh sống ổn định cùng với bà P từ tháng 3/2021 cho đến nay; tại các bản tự khai vào các ngày 02/12/2021 và 25/7/2021, các cháu Lê Huỳnh Đ và Lê Đ T đều có nguyện vọng là muốn được ở với mẹ; do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cả hai cháu Lê Huỳnh Đ và Lê Đ T cho bà P nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của cả hai cháu và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho hai cháu. Hội đồng xét xử xét ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] *Về nợ chung*: Bà Đậu Thị P và ông Lê Đình N đều xác định là không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Bà Đậu Thị P và ông Lê Đình N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà Đậu Thị P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình N 2014;

Căn cứ Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Đậu Thị P; bà Đậu Thị P được ly hôn với ông Lê Đình N.

Về con chung: Giữa bà Đậu Thị P và ông Lê Đình N có 02 con chung là các cháu Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 04/10/2007 và Lê Đ T, sinh ngày 20/6/2015; giao cho bà Đậu Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Lê Huỳnh Đ và Lê Đ T. Bà Đậu Thị P không yêu cầu ông Lê Đình N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Đình N được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà P, ông N đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung: Bà Đậu Thị P và ông Lê Đình N đều xác định là không có nợ chung.

Về tài sản chung: Bà Đậu Thị P và ông Lê Đình N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Đậu Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà bà P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0000240 ngày 06/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT; bà Đậu Thị P đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà Đậu Thị P và ông Lê Đình N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh KH xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KH;
- VKSND thành phố NT;
- Chi cục THADS thành phố NT;
- UBND xã Phước Đồng, thành phố NT, tỉnh KH (Giấy CNKH số 31, quyền số 01/2006 ngày 26/4/2006);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Tuấn Anh